

KINH BÁT-NÊ-HOÀN

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan đồng đi đến ấp Câu-di¹. Sau khi đã yên ổn trong thành Ba-tuần-lich², đang đi nửa đường thì Đức Phật bị bệnh, toàn thân đau đớn³. Ngài ngồi bên gốc cây, bảo Hiền giả A-nan:

“Hãy cầm bát đến sông Câu-di⁴ múc một ít nước.”

Hiền giả vâng lời ra đi. Lúc này có năm trăm cỗ xe đang chạy ầm ầm qua phía trên dòng sông làm cho nước bị đục. Tôn giả A-nan lấy nước xong trở về bạch Đức Phật:

“Vừa rồi có rất nhiều xe chạy qua làm cho nước sông bị đục, chưa được trong, vậy Thế Tôn có thể dùng nước này để rửa ráy. Có con sông Hi-liên⁵ cách đây không xa, con sẽ đến đó lấy nước về để Thế Tôn uống.”

Đức Phật dùng nước trong bát rửa mặt và rửa chân. Bấy giờ cơn đau của Đức Phật dịu bớt.

-
- ¹ Câu-di ấp 拘夷邑; No.1(2): Câu-di-na-kiệt; Pāli: Kusinārā hay Kusinagara.
 - ² Ba-tuần-lich thành 波旬歷城. Phiên âm cho phép đồng nhất với Pāli Pāvārikamba, khu vườn xoài ở Nālanda, gần Rājagaha (Vương xá).
 - ³ Trong bản Pāli, Phật sau khi dùng món nấm sūkara-maddave do Cunda cúng, Ngài phát bệnh lỵ huyết.
 - ⁴ Câu-di hà 拘遺河; No.1(2) và bản Pāli đều có đề cập con sông này nhưng không nói là tên gì.
 - ⁵ Hi-liên 醯連; tức Hi-liên-thiên 熙連禪 (Pāli: Hiraññavatī, con sông có vàng), gần chỗ Phật diệt độ. Theo lộ trình, còn cách xa nữa; No.1(2): A-nan đề nghị Phật chờ đến sông Câu tôn gần đó; Pāli: Kakutthā.

Sau đấy, có vị đại thần người Hoa thị tên là Phước-kế⁶ đang đi qua vùng này; từ xa trông thấy Đức Phật các căn vắng lặng, được định tịch tĩnh, an nhiên, thân sắc quang minh rạng rỡ, trong lòng hoan hỷ, nên đến trước đảnh lễ Đức Phật, rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Phước-kế:

“Nhờ đâu mà ông có được pháp hỷ.”

Thưa:

“Nhờ Tỳ-kheo Lực Lam⁷. Ngày trước, con đang đi trên đường trông thấy Lực Lam đang an tọa ở bên một gốc cây. Khi ấy ở trên đường có năm trăm cỗ xe chạy qua, có người đến sau, xuống xe hỏi Tỳ-kheo:

“–Ngài có thấy đoàn xe chạy ở trước không?”

“–Không thấy.

“–Vậy Ngài không nghe tiếng xe à?”

“–Không nghe.

“–Khi đó Ngài đang ngủ sao?”

“–Không ngủ, do vì ta đang suy nghĩ về đạo.

“Người ấy khen:

“–Tiếng xe chạy âm âm, thức nhưng vẫn không nghe, giữ tâm sao mà chuyên nhất như vậy, thật khó có người làm được. Tiếng của năm trăm cỗ xe chạy qua mà còn không nghe, há lại còn nghe tiếng gì khác sao?”

“Ông liền cúng dường vị Tỳ-kheo kia một tấm y bằng vải nhuộm.

“Lúc ấy, con nghe sự việc như thế, trong lòng hết sức sung sướng, liền được pháp hỷ cho đến ngày hôm nay.”

Đức Phật hỏi Phước-kế:

“Ông xem tiếng sấm sét âm âm dữ dội so với tiếng động của năm trăm cỗ xe chạy qua thì thế nào?”

“Cho dù có một ngàn cỗ xe cùng lúc chạy thật nhanh thì tiếng động ấy cũng không thể so với tiếng sấm sét được.”

Đức Phật nói:

⁶. Phước-kế 諸華大臣字福闍; No.1(2); Phúc-quý, đệ tử A-la-hán; Pāli: Pukkusa, đệ tử của Alāra Kālāma.

⁷. Tỳ-kheo Lực Lam 比丘力藍; No.1(2); Thầy của Phúc-quý, A-la-hán; Pāli: Thầy của Pukkusa là Alāra Kālāma.

“Ngày trước, có một thời Ta du hóa ở A-trầm⁸. Hôm đó vào lúc xế chiều, trời đổ mưa to, sấm sét dữ dội, làm chết hết bốn con trâu và hai anh em người đi cày. Dân chúng xúm tới chặt ních để xem. Lúc ấy Ta vừa ra khỏi pháp định, đang thông thả đi kinh hành. Có một người đến, cúi đầu đánh lễ, rồi đi theo Ta. Ta hỏi:

“–Người ta làm gì đông vậy?”

“–Vừa rồi trời sấm sét, đánh chết bốn con trâu và hai anh em người đi cày, vậy Thế Tôn không nghe sao?”

“–Không nghe.

“–Lúc đó ngài đang ngủ chăng?”

“–Không ngủ. Ta đang ở trong tam-muội.

“Người ấy khen ngợi nói:

“Ít nghe có người định như Đức Phật. Tiếng sấm sét vang rền trời đất, nhưng Ngài đã được định tĩnh lặng, nên không còn nghe biết. Người đó trong lòng vui mừng, cũng đạt được pháp hỷ.”

Phước-kế tán thán bằng kệ:

*Gặp Phật, xem thấy Phật,
Ai mà không hoan hỷ;
Phước nguyện cùng gặp thời,
Khiến con được pháp lợi.*

Đức Phật đáp lại bài tụng:

Người mến pháp ngủ yên,

*Hoan hỷ, tâm thanh tịnh;
Chân nhân đã thuyết pháp,
Bậc hiền thường làm theo.
Pháp che chở người tu,
Như mưa làm cây tốt.*

Khi ấy đại thần Phước-kế liền sai người hầu trở về lấy tấm dạ bằng sợi vàng mới dệt dâng lên Đức Phật, bạch rằng:

“Con biết Đức Phật không dùng thứ này, nhưng mong Ngài thương xót nhận cho.”

Đức Phật nhận tấm dạ rồi thuyết pháp, chỉ dạy nhiều điều pháp yếu. Phước-kế tránh qua một bên cung kính bạch:

⁸. A-trầm 阿沈; No.1(2) sdd.: A-việt; Pāli: Atuma.

“Kể từ ngày hôm nay, con xin tự quy y Phật, tự quy y đạo pháp, tự quy y Thánh chúng, thọ giới của hàng Thanh tín, thân không sát sanh, không trộm lấy của người, không dâm dật, không lừa dối sai quấy, không uống rượu, không ăn thịt, không vi phạm những giới ấy. Vì việc nước bận rộn vậy con xin cáo từ.”

Ông liền lạy sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi ra.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan lấy tấm dạ dệt bằng sợi vàng của Phước-kế đem đến. Hiền giả vâng lời dâng lên, Đức Phật mặc vào người. Hiền giả A-nan thấy Đức Phật thân sắc rạng ngời, tươi vui chói lọi, khác nào màu sắc vàng ròng nên quỳ gối, thưa:

“Từ khi con được làm thị giả đến nay hơn hai mươi năm, nhưng chưa lúc nào thấy thân sắc của Đức Phật quang minh rực rỡ như hôm nay. Con không rõ đó là ý gì?”

Đức Phật dạy:

“Này A-nan! Có hai nguyên nhân làm cho thân sắc của Đức Phật tươi sáng. Đó là đêm đầu tiên khi Ta thành tựu đạo Chân chánh Vô thượng, Chánh giác vi diệu và đến đêm sau cùng khi Ta xả bỏ tuổi thọ còn lại, tâm vô vi để diệt độ. Vào lúc nửa đêm này Ta sẽ Bát-nê-hoàn, cho nên thân sắc tỏa ra ánh sáng như vậy.”

Hiền giả A-nan than khóc và thưa:

“Đức Phật nhập Nê-hoàn sao mà vội quá! Con mắt của thế gian sẽ tắt mất, sao mà nhanh thế!”

Bấy giờ, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan cùng đi tới sông Hi-liên. Đức Phật đến bên bờ sông, cởi bỏ y phục, lội vào nước, tay nâng y, tự tắm rửa thân thể, rồi qua đứng ở bờ bên kia, sửa lại y phục, bảo Hiền giả A-nan:

“Buổi sáng Ta thọ thực ở nhà đệ tử Thuần, đến đêm sẽ diệt độ. Hiền giả hãy giải thích cho Thuần rõ là Ta thọ cơm ở nhà ông ấy, tối nay Ta sẽ diệt độ. Thiên hạ có hai điều khó gặp, nếu được gặp mà lại đích thân cúng dường liền được dứt trừ hết mọi điều nghi, sợ, lại có phước báo chân chánh.

“Những gì là hai? Nếu cúng dường trai phạn cho Đức Phật, nhờ bữa cơm đó Ngài được khí lực, thành tựu đạo quả Vô thượng chánh chơn, thành Bạc Giác Ngộ hoàn toàn. Hoặc cúng dường trai phạn cho Đức Phật, sau bữa cơm đó Ngài xả bỏ tuổi thọ, tâm vô vi mà diệt độ.

“Nay Thuần đã cúng dường trai phạn cho Đức Phật như vậy thì

ông ấy sẽ được sống lâu, được vô dục, được phước lớn, được mọi người hết sức tôn quý, được dự vào hàng quan viên, sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời. Được năm thứ phước đó, nên bảo Thuần chớ buồn, phải vui mừng. Ông ta cúng dường trai phạn cho Đức Phật một lần, đạt được nhiều phước báo như vậy. Cho nên biết rằng đối với Phật không thể không cung kính, đối với Kinh pháp không thể không học, đối với Thánh chúng không thể không tôn thờ.”

Hiền giả A-nan bạch Đức Phật:

“Tỳ-kheo Như-diên⁹ tánh tình hung dữ, nóng nảy, thích mắng chửi, nói nhiều, sau khi Phật Nê-hoàn rồi thì phải đối trị hạng người ấy như thế nào?”

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

“Sau khi ta nhập Nê-hoàn rồi, đối với những Tỳ-kheo hung dữ phải phạt bằng pháp Phạm-đàn¹⁰, bảo đại chúng hãy im lặng lánh đi, đừng nói chuyện với kẻ ấy, kẻ ấy sẽ thấy xấu hổ mà tự cải hối.”

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

“Hãy trải giường gối, lưng ta đau nhức.”

Hiền giả liền trải giường gối. Đức Phật nằm nghiêng theo phía hông bên hữu, hai chân chồng lên nhau, tư duy về đạo trí tuệ chân chánh. Khi ấy Đức Phật gọi Hiền giả A-nan, bảo nói về bảy giác ý.

Hiền giả A-nan thưa:

“Dạ vâng, ngày xưa con theo Phật được nghe:

“1. Giác là chí niệm. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tử, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn¹¹.

“2. Giác là pháp giải. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tử, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

⁹. Như-diên 如 (diên bộ tâm), xem Trường 1(2) sđd.: cht.141.

¹⁰. Phạm-đàn phạt 梵檀罰; xem Trường 1(2) sđd.: cht.142.

¹¹. Nội dung tu tập mỗi giác chi: chí niệm chi giác, Phật dụng tự giác, thành vô tử Thánh ý, vô vi, chí, bất dâm, xả phân tán ý 志念之覺佛用自覺成無比聖猗無為止不婬捨分散意. Tham chiếu, No.1(2): tu niệm giác ý, nhàn tĩnh, vô dục, xuất yếu, vô vi 修念覺意閑靜無欲出要無為; hoặc rải rác: y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly 依無欲依寂滅依遠離.

“3. Giác là tinh tấn. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tử, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

“4. Giác là ái hỷ. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tử, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

“5. Giác là nhất hướng. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tử, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

“6. Giác là duy định. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tử, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.

“7. Giác là hành hộ. Đức Phật vì mục đích tự giác, thành vô tử, có khinh an của bậc Thánh, vô vi, an tĩnh, không dâm, trừ bỏ tâm ý tán loạn.”

Đức Phật nói:

“A-nan đã có thể nói được như thế, vậy phải nên tinh tấn.”

Bạch:

“Xin vâng, con đã nói được, vậy con sẽ tinh tấn.”

“Như vậy, này A-nan! Người nỗ lực tu hành sẽ mau đắc đạo.”

Đức Phật đứng dậy khỏi chỗ ngồi, tư duy về ý nghĩa của giáo pháp. Có Tỳ-kheo nói bài tụng:

*Pháp cam lộ xuất từ Phật;
Khi Ngài bệnh, đệ tử thuyết.
Dạy điều này khuyên hậu học:
Thất giác ý hỏi Thánh hiền.
Phật ra đời con mới hiểu,
Hạnh thanh bạch, không tà vết;
Học phải biết, niệm chánh chí,
Ái hỷ pháp, nhập tinh tấn.
Chuyên nhất hướng, hộ, định ý,
Như pháp giải là tịnh trí.
Người có bệnh nên nghe đây,
Tu giác ý, trừ tà niệm.
Vị đang bệnh là Pháp vương,
Đạo báu xuất từ nguồn này.
Bậc như vậy còn nghe pháp,*

Huống phàm phu mà không nghe?
 Đệ tử giỏi, thông minh nhất,
 Đến thăm bệnh để hỏi đạo.
 Nơi Thánh triết, còn không chán,
 Huống người khác, lại không nghe.
 Nếu quá khứ, đã nghe đạo,
 Dấy niệm khác, tâm sai trái;
 Ai làm thế, không ái hỷ,
 Lời Phật dạy, không tạp niệm.
 Do ái hỷ mà nhất hướng,
 Sống vô vi, tâm vắng lặng;
 Đã an tĩnh, không nghe tưởng,
 Đó gọi là pháp giải giác.
 Diệt các hành, trí thuần thực,
 Tự quy y, Tam Thế Tôn;
 Cầu tất cả Trời, Người, Thần,
 Học tâm từ, theo đại đạo.
 Nay Thánh sư đã diệt độ,
 Các Hiền giả tiếp tục dạy;
 Tùy thời giảng tụng pháp âm,
 Mong Thần cốt giúp giáo hóa.

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

“Người hãy đi mắc giường dây giữa hai cây song thọ ở Tô liên¹², đầu quay về hướng Bắc, vào lúc nửa đêm hôm nay Ta sẽ diệt độ.”

Hiền giả thọ giáo liền làm như lời Phật dạy, rồi trở về bạch Phật là đã làm xong. Đức Phật đến song thọ, nằm lên giường dây, hông nghiêng về phía hữu. Hiền giả A-nan đứng ở sau giường, gục đầu khóc, tức tối thở dài, thưa:

“Đức Phật nhập Nê-hoàn sao mà vội quá! Con mắt của thế gian sao mà tắt nhanh thế? Các bạn đồng tu học của con từ bốn phương về, là muốn được thấy Phật, không còn trông mong gì nữa! Khó mà được thấy lại Phật! Khó mà được hầu hạ lại Phật! Đến mà không thấy đức Thế Tôn, họ sẽ buồn tủi. Sao lòng con buồn quá!”

Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

¹². Tô liên song thọ 蘇連雙樹. Xem Trường 1(2) sđd.: cht.111.

“Hiền giả A-nan đang làm gì?”

Thưa:

“Hiền giả đang đứng phía sau buồn khóc.”

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

“Người chớ khóc lóc. Vì sao? Từ lúc người hầu Phật cho tới nay, thân hành luôn từ bi, khẩu hành cũng từ bi, ý hành cũng từ bi, mong sao đem lại mọi sự an lạc, ý nghĩ suy xét rõ ràng, hết lòng đối với Đức Phật. Tuy các thị giả của Phật ở quá khứ, có dốc lòng phụng sự cũng không hơn người. Các thị giả của Phật ở thời vị lai và hiện tại dù có dốc lòng phụng sự cũng không thể hơn người. Vì sao? Vì người đã hiểu rõ ý của Phật nên biết lúc nào là thích hợp. Nếu có chúng Tỳ-kheo mỗi khi đến yết kiến Đức Phật, người đều cho vào yết kiến luôn đúng lúc. Nếu có các chúng Tỳ-kheo-ni và Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, mỗi khi đến xin gặp Đức Phật, người cũng cho vào đúng lúc. Mỗi khi các chúng dị học, các Phạm chí, cư sĩ, đến để thưa hỏi, người cho họ vào gặp luôn đúng thời.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Bậc tôn quý nhất trong thiên hạ là Chuyển luân thánh vương. Vua có bốn đức tự nhiên khó ai bì kịp.

“Những gì là bốn? Nếu lúc các vua thuộc giòng Sát-ly của các nước chư hầu đến để được gần gũi châu vua, Thánh vương hoan hỷ thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho tất cả đều thích lãnh hội, vâng lời phụng hành. Đó là đức thứ nhất.

“Nếu có các vị Phạm chí thờ đạo, thân hành đến châu vua, nhà vua luôn hoan hỷ xuất hiện, thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ đều ưa thích lãnh hội, vâng lời phụng hành. Đó là đức thứ hai.

“Nếu có các hàng Lý gia¹³, cư sĩ cùng nhau đến để châu vua, Thánh vương liền hoan hỷ xuất hiện, thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ đều ưa thích lãnh hội, vâng lời phụng hành. Đó là đức thứ ba.

“Nếu có những học giả thuộc các phái dị học¹⁴ đến để châu vua, Thánh vương liền xuất hiện, thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ đều ưa thích lắng nghe, vâng lời phụng hành. Đó là đức thứ tư.

“Lại nữa, Tỳ-kheo Hiền giả A-nan này cũng có bốn đức tốt đẹp

¹³. Lý gia 理家 tức gia chủ.

¹⁴. Hán: Nho lâm dị học 儒林異學.

khó ai bì kịp. Những gì là bốn? Nếu các Tỳ-kheo đến chỗ A-nan, liền hoan hỷ cùng họ gặp gỡ chào hỏi, thuyết kinh pháp cho họ nghe, không ai là không được thêm phần hiểu biết, ưa thích thọ giáo, phụng hành. Các Tỳ-kheo-ni, các Thanh tín sĩ đến chỗ Hiền giả A-nan, Hiền giả liền hoan hỷ cùng họ gặp gỡ chào hỏi, thuyết kinh pháp cho họ nghe, khiến không ai là không được thêm phần hiểu biết, ưa thích thọ trì, phụng hành. Đó là bốn đức thứ nhất.

“Lại có bốn đức khác. Hiền giả A-nan vì các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, lúc thuyết kinh pháp, tâm và lời đều đứng đắn, không có hai ý, khiến cho người nghe cung kính, im lặng nghe. Chính nhờ sự tĩnh lặng cho nên Hiền giả A-nan nhớ rộng, không quên mất một cách thành linh. Đó là bốn đức thứ hai.

“Lại có bốn đức khác. Hoặc có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, không hiểu nghĩa của kinh và giới luật, đều đến hỏi Hiền giả A-nan. Hiền giả A-nan liền phân biệt thuyết giảng, giúp họ đều được hiểu rõ. Sau khi ra về, không ai là không khen ngợi Hiền giả A-nan. Đó là bốn đức thứ ba.

“Lại có bốn đức khác. Phật đã nói mười hai bộ kinh, Hiền giả A-nan đều đọc tụng nhớ biết, nên nói lại cho bốn chúng đệ tử như Hiền giả đã được nghe, không có thêm bớt, cũng chưa từng chán mỏi. Đó là bốn đức thứ tư của Hiền giả A-nan, khó ai bì kịp, thế gian ít có.”

Bấy giờ, có vị Hóa Tỳ-kheo¹⁵ đang đứng trước Đức Phật. Đức Phật bảo:

“Này Tỳ-kheo! Nên tránh đi, đừng đứng ở trước ta.”

Hiền giả A-nan bạch Phật:

“Con được hầu hạ Đức Thế Tôn hai mươi lăm năm, nhưng chưa thấy có Tỳ-kheo nào như vậy, không hỏi ý con mà lại đi thẳng đến trước Phật.”

Đức Phật bảo:

“Này A-nan! Đó là vị Hóa Tỳ-kheo. Vả lại, trong nhiều kiếp vị ấy là bậc Đại-tuân-thiên, rất thần diệu, có oai đức, đã trừ sạch mọi sự buồn lo, sợ hãi, biết Đức Phật vào nửa đêm hôm nay sẽ nhập Nê-hoàn, cho nên mới đến đây. Vì từ nay về sau sẽ vĩnh viễn không còn thấy

¹⁵. Hóa Tỳ-kheo 化比丘, chỉ Tỳ-kheo hóa thân, không phải người thật. No.1(2): Tỳ-kheo Phạm-ma-na; Pāli: Upavāṇa.

Đức Phật nữa.”

A-nan thưa:

“Chỉ có một vị Trời này biết Đức Phật sắp diệt độ sao?”

Đức Phật đáp:

“Từ Đông, Tây, Nam, Bắc, trong chu vi bốn trăm tám mươi dặm của thành Câu-di, chư Thiên hiện ra đầy cả hư không, đều buồn than, bối rối không an, tâm họ đều nghĩ: ‘Đức Phật diệt độ sao mà vội quá!’”

A-nan thưa:

“Gần hai bên vùng này có các nước lớn như: Văn vật, Vương xá, Mãn-la, Duy-da¹⁶, sao Đức Phật không chọn những chỗ ấy mà nhập Nê-hoàn mà lại ở nơi thành nhỏ bé, hẻo lánh này?”

Đức Phật bảo:

“Này A-nan! Đừng gọi thành này là nhỏ bé, hẻo lánh. Vì sao? Ngày xưa nước này tên là Câu-na-việt¹⁷, là kinh đô của Đại vương, thành dài bốn trăm tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm, trang nghiêm đẹp như tranh vẽ, có bảy lớp tường thành, nền thành có bốn bậc, cao tám tấc, bên trên rộng ba tấc, đều làm bằng hoàng kim, bạch ngân, thủy tinh, lưu ly, dùng bốn thứ báu làm ngói, trên tường có xếp nhiều tầng ngấn điêu khắc, chạm trổ tinh vi, dưới đất thì lát gạch nung và phòng ốc của dân chúng đều do bốn báu tạo thành. Dọc theo đường đi, tự nhiên sanh trưởng nhiều cây đứng san sát nhau. Cây cũng bằng bốn báu. Cây bằng vàng thì lá, hoa, quả bằng bạc. Cây bằng bạc thì lá hoa, quả bằng vàng. Cây bằng lưu ly, thủy tinh cũng giống như vậy. Gió hiu hiu thổi làm cây lay động thường phát ra năm thứ âm thanh. Âm thanh ấy hiền hòa, dịu dàng, như năm dây đàn cầm rung lên. Ở giữa hàng cây có ao tắm, bên bờ ao có lát ngói, các bờ để đi bộ nối tiếp nhau, bên trong có bốn đài báu, bậc thềm của đài có hàng lan can. Vách tường, giường, ghế trong nhà, tất cả đều làm bằng bốn báu. Trong ao thường có các thứ hoa sen đủ màu, sen xanh âu-bát, sen tía câu-

¹⁶. Đô thị lớn thời Phật: Văn vật đại quốc 閻物大國 tức Xá-vệ, thủ phủ của nước Câu-tát-la (Pāli: Kosala); Vương xá đại quốc 王舍大國; thủ phủ của Ma-kiệt-đà (Magadha); Mãn-la đại quốc 滿羅大國, tức Mạt-la; Duy-da đại quốc 維耶大國 tức Tỳ-xá-ly, thủ phủ của những người Lệ-xa (Licchavi). Hán dịch nói là các đại quốc, là lấy tên đô thị mà gọi thay tên nước.

¹⁷. Câu-na-việt 拘那越; No.1(2): Câu-xá-bà-đề.

điêm, sen vàng văn-na, sen đỏ phù-dung¹⁸, nhìn bốn bên đều thẳng hàng. Hai bên đường đi lại có bảy thứ hoa lạ, mùi hương thơm ngát, thường sanh trong mùa đông, mùa hạ, có năm màu rực rỡ. Ở trong đất nước ấy thường nghe mười ba loại tiếng: tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng bò, tiếng xe, tiếng loa, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng trống, tiếng múa, tiếng ca, tiếng đàn, tiếng nhạc, tiếng ca tụng nhân nghĩa, tiếng tán thán những hạnh cao quý của Đức Phật.

“Bấy giờ có vị Chuyển luân thánh vương tên là Đại Khoái Kiến¹⁹, làm vua bốn châu thiên hạ, lấy Chánh pháp để trị dân, có bảy báu tự nhiên:

- “1. Xe vàng báu.
 - “2. Voi trắng báu.
 - “3. Ngựa biếc báu.
 - “4. Thần giữ kho châu báu.
 - “5. Ngọc nữ báu.
 - “6. Lý gia báu²⁰.
 - “7. Thánh đạo báu.²¹
- “Vua có bốn thần đức:

“Lúc còn nhỏ thời gian là tám vạn bốn ngàn năm; khi làm thái tử là tám vạn bốn ngàn năm; lúc làm bậc Chuyển luân vương là tám vạn bốn ngàn năm; lúc bỏ ngôi vị ở thế gian mặc pháp y là tám vạn bốn ngàn năm, tuổi thọ của vua là ba mươi ba vạn sáu ngàn năm. Đó là thần đức thứ nhất của vua.

“Ngài có thể phi hành, chu du bốn châu thiên hạ, bảy báu đều đi theo, cùng các quan tùy tùng. Đó là thần đức thứ hai của vua.

“Ngài có thân tướng đẹp đẽ đoan nghiêm, khỏe mạnh ít bệnh, thân nhiệt điều hòa, không lạnh, không nóng. Đó là thần đức thứ ba của vua.

“Ngài có oai thần thù thắng, tâm luôn hiền hòa, vui vẻ, thấy rõ

¹⁸. Thanh liên Âu-bát 青蓮漚鉢 (Pāli: Uppala); Tử liên Câu-điêm 紫蓮拘恬 (Pāli: Kumuda), Hoàng liên Văn-na 黃蓮文那 (Mandāra), Hồng liên Phù-dung 紅蓮芙蓉 (Paduma).

¹⁹. Đại Khoái Kiến 大快見; No.1(2): Đại Thiện Kiến; Pāli: Mahāsudassana.

²⁰. Lý gia bảo 理家寶, tức cư sĩ bảo.

²¹. Thánh đạo bảo 聖導寶, tức Chủ binh thần bảo (vị tướng quân).

chánh đạo, lấy Chánh pháp để giáo hóa muôn dân. Đó là thần đức thứ tư của vua.

“Mỗi lần nhà vua đi dạo, ngài luôn bố thí để tạo thêm phước, đáp ứng những mong muốn của mọi người, ai xin nước uống thì cho uống, ai cầu thức ăn thì cho ăn, ai cầu áo quần xe ngựa, hương hoa tiền bạc châu báu, ngài đều cho tất cả. Ngài thương yêu người, vật như cha mẹ thương yêu con. Sĩ dân kính mến vua như con kính mến cha. Mỗi khi vua đi dạo, bảo người đánh xe đi từ từ để cho sĩ dân ở trong nước được nhìn vua lâu hơn. Bản tánh của vua thì thuần hậu nhân từ, bốn phương thì thái bình. Đó chính là cái đức cùng tột của vua.

“Nhà vua thống lãnh tiểu vương gồm đến tám vạn bốn ngàn nước. Các vị tiểu vương ấy mỗi lần vào chầu, khi ấy vua Đại Khoái Kiến đều mời lên điện, vui vẻ an ủi, giảng nói Chánh pháp cho họ nghe, hỏi họ trong nước có thiếu thốn gì không?”

Các tiểu vương đều thưa:

“Nhờ thọ ân nặng của Thiên vương, nên đất nước chúng thần tự thấy đầy đủ mọi điều vui sướng.”

Nhà vua lại ra lệnh:

“Các vị hãy sửa sang lại cung điện của mình như cung điện của ta vậy, lấy Chánh pháp giáo hóa dân chúng, chớ làm khổ muôn dân của Trời. Ngài lại ban cho các Tiểu vương áo mũ, giày dép, xe cộ, vật báu. Các tiểu vương thọ nhận lời dạy bảo của nhà vua rồi cáo từ lui ra, ai nấy đều hoan hỷ.

Bấy giờ đại vương sửa lại Pháp điện, dài bốn mươi dặm, có bốn tầng cấp bậc, tất cả đều làm bằng hoàng kim, bạch ngân, thủy tinh, lưu ly. Nhà, tường, lan can, cây trụ, xà ngang gác trên cao, trụ trên cây vuông, xà ngắn, đòn dông dưới mái hiên che, từ trên xuống dưới, giường tòa, ghế, chiếu đều làm bằng bốn báu.

Lại ở trên Pháp điện có tám vạn bốn ngàn thứ xen lẫn phô bày đẹp đẽ, nào xe cộ, nhà gác đều hiện ra như sao Bắc-đẩu, có dát vàng nơi các khoảng trống giao nhau, phía trước bày ra cái bệ bằng bạc. Hễ nhà gác bằng bạc thì bệ bằng vàng, nhà gác thủy tinh, lưu ly thì cấp bậc cũng lại như vậy. Ở khoảng giữa của vùng châu báu tô điểm thì treo hoa kết trái, bốn báu xen lẫn che trên trướng, do vàng bạc dệt thành, hoặc nhung đỏ dệt bằng lông thú màu sắc rực rỡ, bốn góc thì làm bằng san hô, riêng ở trên điện, bốn mặt điện đều có ao tắm, tất cả vuông vức

rộng một do-tuần.

Chung quanh ao tắm sanh ra nhiều cây Đa-lân²², có tám vạn bốn ngàn gốc, cao một do-tuần, mọc dọc theo các giao lộ.

Mỗi lần Đại vương đi dạo thì dùng xe voi. Khi đó, vua Khoái Kiến đem những vật sở hữu của mình để làm phước đối với dân chúng. Buổi sáng ngài mời các Sa-môn, Phạm chí lên trên điện để thọ thực. Nhà vua tự suy nghĩ: ‘Ngày tháng trôi mau mà ta sắp già rồi, ta đang dùng năm thứ dục này, cùng tạo ra các thứ như nhà báu... Ta hãy kiểm chế lòng dục, tự thân tu hạnh thanh tịnh’. Nhà vua chỉ đi với một người hầu, lên Pháp điện, đi vào vùng châu báu trang sức bằng vàng, ngồi trên ngự sàng bằng bạc, suy nghĩ: ‘Thiên hạ tham dâm vô độ, đã có sanh thì phải có tử, hình hài rồi trở về với đất bụi. Tất cả vạn vật đều vô thường.’ Nhà vua đứng dậy, đi vào vùng trang sức bằng bạc, ngồi trên giường bằng vàng, suy nghĩ: ‘Hễ có gặp gỡ thì phải có biệt ly, mọi luyến mộ đều không ích gì. Hãy xả bỏ ân ái, dốc tu phạm hạnh.’ Suy nghĩ xong, nhà vua đứng dậy đi vào vùng trang hoàng bằng thủy tinh, ngồi trên giường lưu ly, tự nghĩ: ‘Ta chống chọi với cái già, bệnh, chết, sửa tâm, đổi thay hành động để trừ bỏ dâm, nộ, si, suy nghĩ về đạo Vô vi.’ Rồi nhà vua lại đứng dậy đi vào vùng trang hoàng bằng lưu ly, ngồi trên giường thủy tinh, chuyên tâm tư duy, để trừ bỏ pháp ác, tham dục của thế gian, suy nghĩ về đạo Vô vi, giữ tâm thanh tịnh, thành hạnh Nhất thiên, kéo dài như vậy thật lâu, bao trùm tất cả.

²². Đa lân 多鄰; xem No.1(2), bản Việt, cht. 116.